

## ADAPTATION THE CYBERBULLYING VICTIMIZATION SCALE FOR ADOLESCENTS

Ho Thi Truc Quynh<sup>\*1</sup> and Nguyen Thi Hoa<sup>1,2</sup>

<sup>1</sup>University of Education, Hue University,  
Thua Thien Hue Province, Vietnam

<sup>2</sup>Ngo Thoi Nhiem Primary – Secondary – High  
School, Binh Duong Province, Vietnam

\*Corresponding author: Ho Thi Truc Quynh,  
email: [httquynh@hueuni.edu.vn](mailto:httquynh@hueuni.edu.vn)

Received November 20, 2023.

Revised December 19, 2023.

Accepted January 8, 2024.

**Abstract.** The study aimed to adapt the cyberbullying victimization scale for adolescents. The research sample included 102 students in Binh Duong province. Research results showed that the cyberbullying victimization scale for adolescents includes eight items (a single factor) with good Cronbach's alpha reliability and construct validity ( $\chi^2/df = 1,440$ ; CFI = 0,975; GFI = 0,936; RMSEA = 0,066 và PCLOSE = 0,290). This study determined that 58.8% of students were victims of cyberbullying. This study contributed to enriching measurement tools for cyberbullying in Vietnam.

**Keywords:** cyberbullying, victimization, adolescents.

## THÍCH NGHI THANG ĐO NẠN NHÂN BẮT NẠT TRỰC TUYẾN DÀNH CHO TRẺ VỊ THÀNH NIÊN

Hồ Thị Trúc Quỳnh<sup>\*1</sup> và Nguyễn Thị Hoa<sup>1,2</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế,  
Thừa Thiên Huế, Việt Nam

<sup>2</sup>Trường TH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm,  
Binh Duong, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Hồ Thị Trúc Quỳnh. Email:  
[httquynh@hueuni.edu.vn](mailto:httquynh@hueuni.edu.vn)

Ngày nhận bài: 20/11/2023.

Ngày sửa bài: 19/12/2023.

Ngày nhận đăng: 8/1/2024.

**Tóm tắt.** Nghiên cứu nhằm mục đích thích nghi thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến dành cho thanh thiếu niên. Mẫu nghiên cứu bao gồm 102 học sinh trường trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm, tỉnh Bình Dương. Kết quả nghiên cứu cho thấy thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến dành cho thanh thiếu niên bao gồm tám item (đơn nhân tố) có độ tin cậy Cronbach's alpha ( $\alpha = 0,855$ ) và hiệu lực cấu trúc tốt ( $\chi^2/df = 1,440$ ; CFI = 0,975; GFI = 0,936; RMSEA = 0,066 và PCLOSE = 0,290). Nghiên cứu này xác định có 58,8% học sinh là nạn nhân của bắt nạt trực tuyến. Nghiên cứu này góp phần làm phong phú thêm các công cụ đo lường về bắt nạt trực tuyến tại Việt Nam.

**Từ khóa:** bắt nạt trực tuyến, nạn nhân, thanh thiếu niên.

## 1. Mở đầu

Bạo lực học đường đang có diễn biến phức tạp, trong đó, bắt nạt là vấn đề hiện đáng báo động ở thanh thiếu niên các quốc gia trên thế giới [1]. Số lượng các vụ việc bắt nạt trực tuyến có xu hướng tăng và trở thành vấn đề phổ biến của thanh thiếu niên hiện nay [2]. Theo Campbell và Bauman (2018), hành vi mà một cá nhân hoặc nhóm người sử dụng công nghệ kỹ thuật số hiện đại một cách cố ý và lặp đi lặp lại nhằm gây tổn thương cho những cá nhân không có khả năng tự vệ được gọi là bắt nạt trực tuyến [3].

Cùng với sự phát triển của Internet và công nghệ kỹ thuật số, số lượng nạn nhân bị bắt nạt trực tuyến trong thanh thiếu niên không ngừng gia tăng. Trên đối tượng học sinh trung học phổ thông, các nghiên cứu trong khu vực Đông Nam Á đã báo cáo tỉ lệ nạn nhân bị bắt nạt trực tuyến

là 44,7% tại Thái Lan [4]; 52,2% tại Malaysia [5]; 50% tại Indonesia [6] và 3,8% tại Singapore [7]. Tại Việt Nam, nhiều nghiên cứu đã báo cáo tỉ lệ nạn nhân bị bắt nạt trực tuyến trong thanh thiếu niên [8]–[11] với tỉ lệ nạn nhân là 7,1% tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh [8]; 36,5% tại Thành phố Hồ Chí Minh [11] và 63,6% tại Thừa Thiên Huế [10].

Mặt khác, trước nay các nghiên cứu tại Việt Nam thường sử dụng một số thang đo như (i) Thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến (Cyberbullying Victimization Scale\_CVS) của Patchin và Hinduja (2010) [12] do Phạm Thị Thu Ba và Trần Quỳnh Anh (2016) sửa đổi [10], Bảng hỏi thủ phạm/ nạn nhân bắt nạt của Olweus (Olweus Bully/Victim Questionnaire\_OBVQ) [9]; Thang đo bắt nạt trực tuyến-phiên bản sửa đổi (Revised Cyber Bullying Inventory\_RCBI) của ErdurBaker & Kavşut (2007) [8] để xác định nạn nhân bắt nạt trực tuyến hoặc tần suất trở thành nạn nhân bắt nạt trực tuyến. Trong bối cảnh văn hóa Việt Nam, hai (bao gồm OBVQ và RCBI) trong số ba thang đo nói trên có 14 item chia thành hai nhân tố. OBVQ sử dụng để đo lường tần suất trở thành nạn nhân trực tuyến và nạn nhân học đường [9]; trong khi đó, RCBI dùng để đo lường tần suất trở thành thủ phạm và nạn nhân bắt nạt trực tuyến [8]. Bên cạnh đó, sau khi thích nghi cho phù hợp với văn hóa Việt Nam, CVS chỉ có 6 item, giảm đi 3 item so với phiên bản gốc [12], [13]. Tại Việt Nam đã có một số nghiên cứu điều tra về thực trạng bắt nạt trực tuyến [8], [9], [13], [14]. Tuy nhiên, chỉ có một công bố khoa học về độ tin cậy và hiệu lực của công cụ đo lường về bắt nạt trực tuyến (OBVQ) [15]. Với mục đích làm phong phú các công cụ đo lường về bắt nạt trực tuyến tại Việt Nam và cung cấp thêm bằng chứng khoa học độ tin cậy và hiệu lực của các công cụ đo lường về bắt nạt trực tuyến, chúng tôi thiết lập phiên bản Tiếng Việt của thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến trên cơ sở thang đo nạn nhân trực tuyến nói chung (General Online Victimization) [16] và đánh giá độ tin cậy và hiệu lực của thang đo trên mẫu thanh thiếu niên.

Thang đo nạn nhân trực tuyến nói chung của Tynes và cộng sự (2010) chưa từng được sử dụng trong bất kỳ nghiên cứu nào ở Việt Nam. Thang đo nạn nhân trực tuyến nói chung là một thang đo nằm trong bộ công cụ đo lường nạn nhân trực tuyến (Online victimization Scale) của Tynes và cộng sự (2010). Bộ công cụ đo lường nạn nhân trực tuyến bao gồm 21 item, chia thành bốn thang đo như thang đo nạn nhân trực tuyến nói chung (General Online Victimization Scale), nạn nhân bị quấy rối tình dục trực tuyến (Sexual online victimization Scale), phân biệt chủng tộc trực tuyến trực tiếp (Individual Online Racial Discrimination) và phân biệt chủng tộc trực tuyến gián tiếp (Vacarious Online Racial Discrimination). Tất cả các item của bộ công cụ đo lường được xây dựng theo thang 5 điểm từ 0 (chưa bao giờ) tới 4 (mỗi ngày). Thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến nói chung của Tynes và cộng sự (2010) bao gồm 8 item được xây dựng để đo lường tần suất trải nghiệm các hình thức bắt nạt trực tuyến. Trên mẫu thanh thiếu niên tại Mỹ, các nghiên cứu đã báo cáo độ tin cậy cho thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến nói chung là 0,84 [16] và 0,95 [17].

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Phương pháp nghiên cứu

#### 2.1.1. Chuyển ngữ

Để thiết lập phiên bản Tiếng Việt của thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến, chúng tôi đã tiến hành chuyển ngữ thang đo nạn nhân trực tuyến nói chung của Tynes và cộng sự (2010). Quá trình chuyển ngữ được thực hiện theo trình tự như sau: Đầu tiên, một giảng viên khoa Tiếng Anh (trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế) và một tiến sĩ chuyên ngành Tâm lý học tốt nghiệp ở nước ngoài được mời dịch thang đo nạn nhân trực tuyến nói chung từ tiếng Anh sang Tiếng Việt. Hai chuyên gia làm việc độc lập với nhau. Những chuyên gia dịch thuật là những người nói và sử dụng thành thạo tiếng Anh, họ đã từng có khoảng thời gian học tập tại nước ngoài. Kết quả bước này, chúng tôi có bản dịch Tiếng Việt của thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến. Bước thứ hai, hai chuyên gia dịch thuật cùng nhà nghiên cứu tiến hành so sánh hai bản dịch để đi đến một phiên

bản thông nhất về thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến. Bước thứ ba, bản dịch thông nhất (Tiếng Việt) được một dịch giả người nước ngoài có tiếng mẹ đẻ là tiếng Anh và nói thạo Tiếng Việt dịch ngược sang tiếng Anh. Sau đó bản dịch tiếng Anh này lại được đem so sánh với phiên bản gốc của thang đo nạn nhân trực tuyến nói chung bởi hai nhà nghiên cứu Tâm lý học người Việt (hiện đang học nghiên cứu sinh và công tác tại Úc) nhằm kiểm tra tính chính xác của bản dịch Tiếng Việt. Sau quá trình thảo luận và thống nhất của các chuyên gia dịch thuật và các nhà nghiên cứu về Tâm lý học, chúng tôi có phiên bản Tiếng Việt của thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến.

### **2.1.2. Mẫu nghiên cứu**

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp lấy mẫu thuận tiện tại trường THPT Ngô Thời Nhiệm tại Bình Dương. Cỡ mẫu được xác định theo công thức của Hair và cộng sự (2010). Theo các tác giả, để phân tích nhân tố khám phá, kích thước mẫu tối thiểu phải là 50, tốt hơn là 100 và tỉ lệ quan sát (observations)/ biến đo lường (items) là 5:1, nghĩa là mỗi biến đo lường cần tối thiểu 5 quan sát, tốt nhất là tỉ lệ 10:1 trở lên [18].

Để thực hiện mục đích nghiên cứu, chúng tôi đã xin phép sự đồng ý của hiệu trưởng và giáo viên chủ nhiệm. Tất cả học sinh đều tự nguyện tham gia vào nghiên cứu. Mẫu khảo sát với 102 học sinh trung học phổ thông tuổi từ 14 đến 17 với 55 học sinh nam (chiếm 53,9%), 41 học sinh nữ (chiếm 40,2%) và 6 học sinh (chiếm 5,9%) không muốn nêu cụ thể giới tính của mình. Xét theo khối lớp, có 92 học sinh khối 10 (chiếm 90,2%) và 10 học sinh khối 11 (chiếm 9,8%) đồng ý tham gia nghiên cứu. Độ tuổi trung bình của học sinh là 15,32 và độ lệch chuẩn là 0,53.

### **2.1.3. Công cụ đo lường**

Nghiên cứu này sử dụng thang đo nạn nhân trực tuyến nói chung (General Online Victimization scale) của Tynes và cộng sự (2010) để xác định nạn nhân bị bắt nạt trực tuyến. Thang đo nạn nhân trực tuyến nói chung bao gồm 8 item. Các item mẫu như “Mọi người đã nói những điều tiêu cực (như tin đồn hoặc gọi tên) về vẻ bên ngoài, hành động hoặc về việc ăn mặc của tôi trên mạng” và “Tôi bị đe dọa trên mạng xã hội vì vẻ bề ngoài, hành động hoặc ăn mặc của tôi.” Mỗi item của thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến nói chung được thiết kế trả lời trên thang Likert 5 điểm từ 0 (chưa bao giờ) tới 4 (mỗi ngày). Tổng điểm của thang đo dao động từ 0 đến 32 với điểm cao hơn cho thấy tần suất trở thành nạn nhân nhiều hơn. Trong đó, tổng điểm từ 1 trở lên được xác định là nạn nhân của bắt nạt trực tuyến. Thang đo nạn nhân trực tuyến nói chung chưa từng được sử dụng ở Việt Nam, mặc dù nó được sử dụng trong các nghiên cứu trước đây ở nước ngoài [16], [17] để xác định nạn nhân bắt nạt trực tuyến.

### **2.1.4. Xử lý thống kê**

Để xử lý số liệu, nghiên cứu này sử dụng phần mềm SPSS 20 và AMOS 20. Đối với phần mềm SPSS 20, chúng tôi thực hiện các phép phân tích thống kê như thống kê mô tả, kiểm định độ tin cậy Cronbach's alpha, phân tích nhân tố khám phá và phân tích nhân tố xác nhận. Đối với phần mềm AMOS, chúng tôi tiến hành phân tích nhân tố khám phá để xác định các chỉ số phù hợp của mô hình đo lường như  $\chi^2/df$  (chi-square/df), GFI (goodness of fit index), CFI (comparative fit index), RMSEA (root mean square error of approximation) và PCLOSE (p of Close Fit).

## **2.2. Kết quả nghiên cứu**

### **2.2.1. Độ tin cậy của thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến**

Số liệu Bảng 1 cho thấy rằng cả tám item của thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến có tương quan với biến tổng dao động từ 0,502 đến 0,754. Trong đó item số 5 (“Tôi đã bị quấy rối trên mạng xã hội vì chuyện gì đó xảy ra ở trường”) có hệ số tương quan với biến tổng cao nhất và item số 3 (“Mọi người đã đăng trên internet những điều ác ý hoặc thô lỗ về tôi”) có hệ số tương quan với biến tổng thấp nhất. Như vậy hệ số tương quan với biến tổng của các item đều lớn hơn 0,30. Phân tích độ tin cậy Cronbach's alpha còn cho thấy hệ số  $\alpha$  của cả thang đo là 0,855.

**Bảng 1. Độ tin cậy của thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến**

Item	Tương quan giữa item và biến tổng	Giá trị $\alpha$
1. Mọi người đã nói những điều tiêu cực (như tin đồn hoặc gọi tên) về vẻ bên ngoài, hành động hoặc về việc ăn mặc của tôi trên mạng	0,536	0,855
2. Mọi người đã nói những điều ác ý hoặc thô lỗ về cách tôi nói chuyện (viết) trên mạng	0,547	
3. Mọi người đã đăng trên internet những điều ác ý hoặc thô lỗ về tôi	0,502	
4. Tôi đã bị quấy rối trên mạng xã hội mà không có lí do rõ ràng	0,547	
5. Tôi đã bị quấy rối trên mạng xã hội vì chuyện gì đó xảy ra ở trường	0,754	
6. Tôi đã bị xấu hổ hoặc bị sỉ nhục trên mạng xã hội	0,687	
7. Tôi từng bị bắt nạt trên mạng xã hội.	0,690	
8. Tôi bị đe dọa trên mạng xã hội vì vẻ bề ngoài, hành động hoặc ăn mặc của tôi.	0,667	

**2.2.2. Độ hiệu lực cấu trúc của thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến**

Số liệu Bảng 2, 3 và 4 trình bày kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) của thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến. Theo bảng 2, hệ số KMO = 0,853, các giá trị của kiểm định Bartlett's bao gồm Chi square = 352,036, df = 28 và  $p < 0,001$ . Bảng 3 cho biết rằng thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến nếu chia thành 2 nhân tố thì giá trị Eigenvalues = 0,979 (nhỏ hơn 1) và nếu là một nhân tố thì giá trị Eigenvalues = 4,194 (lớn hơn 1) và tổng phương sai trích = 52,419% (lớn hơn 50%). Từ những kết quả này cho thấy thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến là thang đo đơn nhân tố (xem Hình 1).

**Bảng 2. Hệ số KMO và kiểm định Bartlett's của thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến**

Giá trị KMO		0,853
Kiểm định Bartlett's	Chi square	352,036
	df	28
	Sig (p)	< 0,001

**Bảng 3. Giá trị Eigenvalues và phương sai trích của thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến**

Số lượng nhân tố	Giá trị Eigenvalues	Phương sai trích (%)
1	4,194	52,419
2	0,979	

Số liệu Bảng 4 cho biết hệ số tải nhân tố của các item trong thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến. Theo đó, hệ số tải nhân tố của các item đều lớn hơn 0.50 và dao động từ 0,613 (item số 3) đến 0,851 (item số 5). Kết quả này gợi ý rằng có thể tiếp tục tiến hành phân tích nhân tố khẳng định (CFA) cho thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến.

**Bảng 4. Hệ số tải nhân tố của các mục trong thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến**

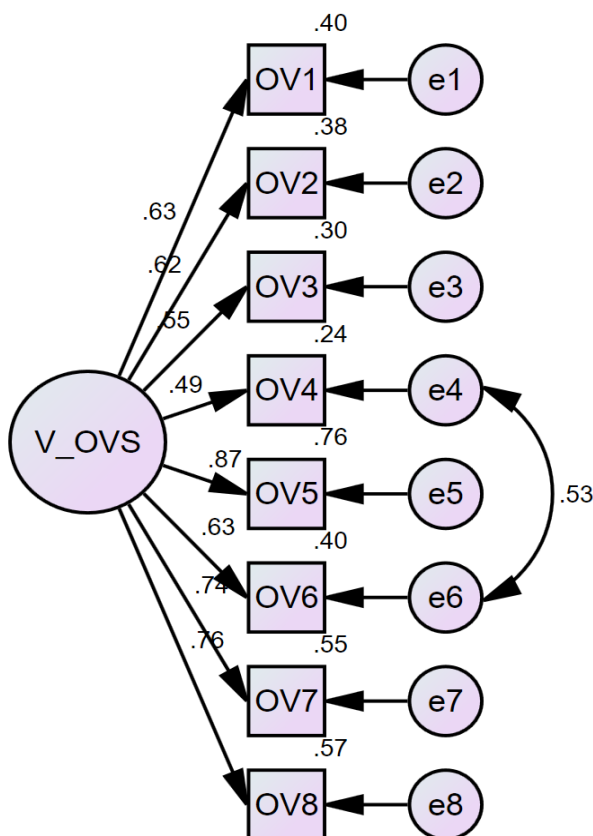
Item	Hệ số tải nhân tố
1. Mọi người đã nói những điều tiêu cực (như tin đồn hoặc gọi tên) về vẻ bên ngoài, hành động hoặc về việc ăn mặc của tôi trên mạng	0,668
2. Mọi người đã nói những điều ác ý hoặc thô lỗ về cách tôi nói chuyện (viết) trên mạng	0,669
3. Mọi người đã đăng trên internet những điều ác ý hoặc thô lỗ về tôi	0,613

4. Tôi đã bị quấy rối trên mạng xã hội mà không có lí do rõ ràng	0,642
5. Tôi đã bị quấy rối trên mạng xã hội vì chuyện gì đó xảy ra ở trường	0,851
6. Tôi đã bị xấu hổ hoặc bị sỉ nhục trên mạng xã hội	0,752
7. Tôi từng bị bắt nạt trên mạng xã hội.	0,788
8. Tôi bị đe dọa trên mạng xã hội vì vẻ bề ngoài, hành động hoặc ăn mặc của tôi.	0,776

Bảng 5 trình bày kết quả phân tích nhân tố khẳng định với các chỉ số phù hợp mô hình của thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến:  $\chi^2/df = 1,440$  (nhỏ hơn 3); CFI = 0,975 (lớn hơn 0,90); GFI = 0,936 (lớn hơn 0,90); RMSEA = 0,066 (nhỏ hơn 0,08) và PCLOSE = 0,290 (lớn hơn 0,05).

**Bảng 5. Các chỉ số phù hợp mô hình của thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến**

Các chỉ số	Giá trị đối chiếu theo Hu & Bentler (1999)	Mô hình đo lường của thang đo (tên thang đo)
$\chi^2/df$	< 3: tốt	1,440
CFI	> 0,90: tốt	0,975
GFI	> 0,90: tốt	0,936
RMSEA	< 0,08: chấp nhận được	0,066
PCLOSE	> 0,05: tốt	0,290



**Hình 1. Mô hình đo lường thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến**

### 2.2.3. Tỷ lệ nạn nhân bắt nạt trực tuyến trong thanh thiếu niên

Số liệu Bảng 6 cho thấy rằng toàn mẫu có 60 học sinh được xác định là nạn nhân bị bắt nạt trực tuyến (chiếm 58,8%). Trong đó, tỉ lệ nạn nhân bị bắt nạt trực tuyến trong học sinh nữ là 50,0% và học sinh nam là 45,0%.

**Bảng 6. Tỷ lệ nạn nhân bị bắt nạt trực tuyến ở học sinh**

Phân loại	CHUNG	
	Số lượng	Tỷ lệ
Nạn nhân bị bắt nạt trực tuyến	60	58,8
Không phải nạn nhân	42	41,2

### 2.3. Bàn luận

Để một công cụ đo lường đảm bảo độ tin cậy, nghiên cứu trước đây chỉ ra rằng hệ số tương quan giữa item với biến tổng cần lớn hơn 0,30 [19] và giá trị Cronbach's alpha phải từ 0,70 trở lên, nếu giá trị Cronbach's alpha từ 0.80 trở lên thì công cụ đo lường có độ tin cậy rất tốt [20]. Kết quả phân tích độ tin cậy của thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến cho thấy cả tám item đều có hệ số tương quan với biến tổng lớn hơn 0,30 và giá trị Cronbach's alpha lớn hơn 0,80. Những kết quả này cho thấy thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến có độ tin cậy rất tốt. Từ kết quả nghiên cứu này có thể thấy rằng so với phiên bản gốc của Tynes và cộng sự (2010) trên mẫu thanh thiếu niên Mỹ thì giá trị độ tin cậy Cronbach's alpha của thang đo này trên mẫu vị thành niên Việt Nam cao hơn.

Phân tích nhân tố khám phá dùng để rút gọn một tập hợp k nhiều biến quan sát thành một tập F (với  $F < k$ ) các nhân tố có ý nghĩa hơn. Khi phân tích nhân tố khám phá, người ta thường xem xét các tiêu chí như: Hệ số KMO, giá trị sig (viết tắt là p) của kiểm định Bartlett, trị số Eigenvalue, tổng phương sai trích và hệ số tải nhân tố. Trong đó, hệ số KMO phải đạt giá trị từ 0,50 trở lên; giá trị p của kiểm định Bartlett phải nhỏ hơn 0,05; trị số Eigenvalue phải lớn hơn 1; tổng phương sai trích phải đạt từ 50% trở lên và hệ số tải nhân tố phải lớn hơn 0,30 [18], [20]. Trong nghiên cứu này, kết quả phân tích nhân tố khám phá cho biết thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến có hệ số KMO, giá trị p của kiểm định Bartlett, trị số Eigenvalue, tổng phương sai trích và hệ số tải nhân tố đều thỏa mãn các điều kiện trên. Kết quả phân tích nhân tố khám phá còn cho biết rằng thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến là thang đo đơn nhân tố gồm 8 item. Phân tích nhân tố khẳng định dùng để đánh giá chất lượng biến quan sát, khẳng định các cấu trúc nhân tố; đánh giá tính hội tụ, tính phân biệt các cấu trúc biến và đánh giá độ phù hợp tổng thể của dữ liệu dựa trên các chỉ số độ phù hợp mô hình (model fit) như  $\chi^2/df$ , CFI, GFI, RMSEA và PCLOSE. Trong đó, một mô hình đo lường tốt thì giá trị  $\chi^2/df < 3$ ; giá trị  $0,90 \leq CFI \leq 0,95$ ; giá trị  $0,90 \leq GFI \leq 0,95$ ; giá trị PCLOSE  $> 0,05$ ; giá trị  $0,05 \leq RMSEA \leq 0,08$  [21]. Trong nghiên cứu này, kết quả phân tích nhân tố khám phá cho biết các chỉ số phù hợp của mô hình đo lường thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến đều đáp ứng tốt các chỉ số trên, điều đó chứng tỏ mô hình đo lường thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến là tốt. Những kết quả phân tích nhân tố khám phá và phân tích nhân tố khẳng định trên đây cho thấy thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến có độ hiệu lực tốt.

Về tỉ lệ nạn nhân bị bắt nạt trực tuyến, nghiên cứu này chỉ ra rằng có 58,8% học sinh báo cáo là nạn nhân của bắt nạt trực tuyến. Tỷ lệ nạn nhân bắt nạt trực tuyến ở học sinh trong nghiên cứu này cao hơn so với các nước trong khu vực Đông Nam Á như Thái Lan (Auemaneeikul et al., 2019); Malaysia (Marret & Choo, 2017); Indonesia [6] và Singapore [7]. Tỷ lệ nạn nhân bắt nạt trực tuyến ở học sinh trong nghiên cứu này cũng cao hơn so với các nghiên cứu khác tại Thành phố Hồ Chí Minh [8], [11] và Hà Nội [8]; tuy nhiên tỉ lệ nạn nhân bị bắt nạt trực tuyến ở học sinh trong nghiên cứu này lại thấp hơn so với một nghiên cứu khác tại Thừa Thiên Huế [10]. Theo các nghiên cứu trước đây, tỉ lệ nạn nhân bắt nạt trực tuyến trong các nghiên cứu là khác nhau có thể

do sử dụng công cụ đo lường khác nhau, các tùy chọn trả lời dựa trên các thang điểm khác nhau nên tiêu chí xác định nạn nhân khác nhau. Thêm vào đó, các nghiên cứu cũng có thể yêu cầu học sinh báo cáo tần suất trở thành nạn nhân bắt nạt trực tuyến trong những khoảng giới hạn thời gian khác nhau. Các nghiên cứu có thể yêu cầu học sinh báo cáo tần suất trở thành nạn nhân bắt nạt trực tuyến trong vòng 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng hoặc 12 tháng. Điều này cũng có thể khiến tỉ lệ nạn nhân bắt nạt trực tuyến khác nhau ở các nghiên cứu. Ngoài ra, thời điểm tiến hành khảo sát cũng có thể là một nguyên nhân. Ví dụ, nếu thời điểm khảo sát là bối cảnh dịch bệnh COVID-19 thì tỉ lệ nạn nhân có thể tăng lên do học sinh sử dụng Internet và thiết bị điện tử tăng lên khi chuyển đổi phương thức dạy học từ trực tiếp sang trực tuyến.

Nghiên cứu này có một số hạn chế. Thứ nhất, nghiên cứu này sử dụng phương pháp tự báo cáo nên kết quả của nghiên cứu phụ thuộc nhiều vào trí nhớ của người tham gia khảo sát. Thứ hai, những người tham gia nghiên cứu này là học sinh trung học phổ thông đến từ tỉnh Bình Dương; do đó, độ tin cậy và hiệu lực của thang đo cần được kiểm tra trên các nhóm mẫu khác và ở các địa phương khác. Cuối cùng, do giới hạn về thời gian và chi phí, chúng tôi đã sử dụng phương pháp lấy mẫu thuận tiện; do đó không xác định được sai số lấy mẫu và không thể kết luận cho tổng thể từ kết quả mẫu. Các nghiên cứu trong tương lai cần tính toán đến việc khắc phục các hạn chế của nghiên cứu này.

### **3. Kết luận**

Sử dụng mẫu học sinh trường trung học phổ thông Ngô Thời Nhiệm, tỉnh Bình Dương, nghiên cứu này đã thích nghi thang đo nạn nhân bắt nạt trực tuyến dành cho thanh thiếu niên từ thang đo nạn nhân trực tuyến của Tynes và cộng sự (2010). Kết quả nghiên cứu này cho thấy rằng thang đo nạn nhân trực tuyến có độ hiệu lực và tin cậy tốt. Kết quả nghiên cứu còn cho biết có 58,8% học sinh được xác định là nạn nhân của bắt nạt trực tuyến. Các nghiên cứu trong tương lai có thể sử dụng thang đo này để xác định tỉ lệ nạn nhân bắt nạt trực tuyến và đánh giá tần suất trở thành nạn nhân bắt nạt trực tuyến trong thanh thiếu niên.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Q. T. Le, (2020). “A Study of the Core Relationship between Cyber-Bullying and Coping of High-School Pupils in Vietnam,” *Int. J. Innov.*, vol. 11, no. 3, p. 483–500.
- [2] HTT Quỳnh and HT Hải, (2023). “Đánh giá một số chương trình phòng ngừa bắt nạt học đường cho học sinh trung học cơ sở trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam,” *Tạp chí Tâm lý học*, vol. 3, no. 288, p. 16–31.
- [3] M. Campbell and S. Bauman, (2018). “Cyberbullying: Definition, consequences, prevalence,” in *Reducing Cyberbullying in Schools*, Elsevier, p. 3–16. doi: 10.1016/B978-0-12-811423-0.00001-8.
- [4] N. Auemaneekul, A. Powwattana, E. Kiatsiri, and N. Thananowan, (2019). “Investigating the mechanisms of theory of planned behavior on Cyberbullying among Thai adolescents,” *J. Heal. Res.*, vol. 34, no. 1, p. 42–55, Nov., doi: 10.1108/JHR-02-2019-0033.
- [5] M. J. Marret and W. Y. Choo, “Factors associated with online victimisation among Malaysian adolescents who use social networking sites: a cross-sectional study,” *BMJ Open*, vol. 7, no. 6, p. e014959, Jun. 2017, doi: 10.1136/bmjopen-2016-014959.
- [6] D. Nazriani and S. Zahreni, (2017). “Adolescent Cyberbullying in Indonesia: Differentiation between Bullies and Victim,” *Adv. Soc. Sci. Educ. Humanit. Res.*, vol. 81, p. 505–508.
- [7] J. Z. N. Khong, Y. R. Tan, J. M. Elliott, D. S. S. Fung, A. Sourander, and S. H. Ong, (2020). “Traditional Victims and Cybervictims: Prevalence, Overlap, and Association with Mental

- Health Among Adolescents in Singapore,” *School Ment. Health*, vol. 12, no. 1, p. 145–155, Mar., doi: 10.1007/s12310-019-09337-x.
- [8] C. V. Tran, B. Weiss, and N. P. H. Nguyen, (2022). “Academic achievement, and cyberbullying and cyber-victimization among middle- and high-school students in Vietnam,” *Int. J. Sch. Educ. Psychol.*, vol. 10, no. 1, p. 118–127, Jan., doi: 10.1080/21683603.2020.1837700.
- [9] H. T. H. Le, H. T. Nguyen, M. A. Campbell, M. L. Gatton, N. T. Tran, and M. P. Dunne, (2017). “Longitudinal associations between bullying and mental health among adolescents in Vietnam,” *Int. J. Public Health*, vol. 62, no. S1, p. 51–61, Feb.
- [10] HTT Quỳnh, (2023). “Thực trạng bị bắt nạt qua mạng ở học sinh trung học phổ thông tại tỉnh Thừa Thiên Huế và mối quan hệ với các vấn đề sức khỏe tâm thần,” *Tạp chí Tâm lý học*, vol. 7, tr.1-12.
- [11] T. T. Thai, M. H. T. Duong, D. K. Vo, N. T. T. Dang, Q. N. H. Huynh, and H. G. N. Tran, (2022). “Cyber-victimization and its association with depression among Vietnamese adolescents,” *PeerJ*, vol. 10, p. e12907, Feb., doi: 10.7717/peerj.12907.
- [12] J. W. Patchin and S. Hinduja, (2010). “Cyberbullying and Self-Esteem,” *J. Sch. Health*, vol. 80, no. 12, p. 614–621, Dec., doi: 10.1111/j.1746-1561.2010.00548.x.
- [13] T. T. B. Phạm and Q. A. Trần, (2016). “Bắt nạt qua mạng ở học sinh trung học phổ thông và một số yếu tố liên quan,” *Tạp chí Nghiên cứu Y học*, vol. 104, no. 6, p. 0–6.
- [14] T. T. Q. Ho, C. Li, and C. Gu, (2020). “Cyberbullying victimization and depressive symptoms in Vietnamese university students: Examining social support as a mediator,” *Int. J. Law, Crime Justice*, vol. 63, p. 100422, Dec., doi: 10.1016/j.ijlcj.2020.100422.
- [15] LTH Hà, NT Hương, TQ Tiến, M. Campbell, and M. Dunne, (2016). “Giá trị và độ tin cậy của thang đo bị bắt nạt học đường và qua mạng: Kết quả nghiên cứu với học sinh đô thị Hà Nội và Hải Dương,” *Tạp chí Y tế Công cộng*, vol. 40, p. 198–204.
- [16] B. M. Tynes, C. A. Rose, and D. R. Williams, (2010). “The Development and Validation of the Online Victimization Scale for Adolescents,” *Cyberpsychology J. Psychosoc. Res. Cybersp.*, vol. 4, no. 2, p. 1–15.
- [17] S. Matsuzaka, L. R. Avery, A. G. Stanton, and S. Espinel, (2022). “Online Victimization, Womanism, and Body Esteem among Young Black Women: A Structural Equation Modeling Approach,” *Sex Roles*, vol. 86, no. 11–12, p. 681–694, Jun., doi: 10.1007/s11199-022-01296-z.
- [18] J. Hair, W. Black, B. Babin, and R. Anderson, (2010). “Multivariate Data Analysis: A Global Perspective,” in *Multivariate Data Analysis: A Global Perspective*, Boston, MA: Pearson Education.
- [19] R. C. MacCallum and L. R. Tucker, (1991). “Representing sources of error in the common-factor model: Implications for theory and practice,” *Psychol. Bull.*, vol. 109, no. 3, p. 502–511.
- [20] H Trọng and CNM Ngọc, (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. NXB Hồng Đức.
- [21] L. Hu and P. M. Bentler, (1999). “Cutoff criteria for fit indexes in covariance structure analysis: Conventional criteria versus new alternatives,” *Struct. Equ. Model. A Multidiscip. J.*, vol. 6, no. 1, p. 1–55, Jan., doi: 10.1080/10705519909540118.